| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 01/2025/QĐST-VHNGĐ | Đồng Tháp, ngày 10 tháng 7 năm 2025 |

# QUYẾT ĐỊNH
# SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
## Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh: Ông Huỳnh Hữu Nghi - Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

Trong ngày 10 tháng 07 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2025, về việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là Khóm M, xã M, Tỉnh Đồng Tháp);

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh P, Vu N, sinh năm 1967. Quốc tịch Hoa Kỳ.

Địa chỉ: B C, C, SC B, Hoa Kỳ.

(*Chị T có mặt tại phiên họp, anh P, Vu N có đơn xin vắng mặt*)

## NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

* Tại đơn yêu cầu đề ngày 26 tháng 11 năm 2024, quá trình giải quyết việc và tại phiên họp, người yêu cầu là chị T trình bày:

Vào ngày 22/9/2017, chị T và anh P, Vu N kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND huyện C, giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017, ngày cấp 22/9/2017. Sau khi kết hôn thì chị T mới biết thời điểm đăng ký kết hôn với chị tại Ủy ban nhân dân huyện C anh P, Vu N chưa có quyết định ly hôn chính thức với người vợ trước của anh là bà T1 Lê Phan thường trú tại Mỹ nhưng khi đăng ký kết hôn với

chị thì anh P, Vu N lại lừa dối chị T, không nói cho chị T biết việc anh chưa ly hôn chính thức với người vợ trước; Đến khi anh P, Vu N làm thủ tục để bảo lãnh chị T và con sang Mỹ để định cư thì anh P, Vu N mới nói rằng không bảo lãnh cho chị sang Mỹ được do hôn nhân giữa chị và anh P, Vu N không đúng thủ tục bên Mỹ; Mặc dù, hiện nay anh P, Vu N đã chính thức ly hôn với chị Trang Lê P (ly hôn ngày 14/7/2023). Nhưng khi anh P, Vu N vẫn không bảo lãnh cho mẹ con chị qua Mỹ được vì tại thời điểm kết hôn với chị T (năm 2017) thì anh P, Vu N vẫn còn tồn tại 01 hôn nhân với người vợ tên T1 ở Mỹ, Sở di trú và nhập tịch Hoa Kỳ không chấp nhận việc song hôn.

Nhận thấy, hôn nhân giữa chị T và anh P, Vu N đã có sự lừa dối khi kết hôn nên đã vi phạm luật hôn nhân và gia đình.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh P, Vu N.

- Về con chung: chị T và anh P, Vu N có 01 con chung tên Phan Nguyen E, sinh ngày 03/7/2018. Hiện con chung đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Nguyen E, sinh ngày 03/7/2018; Không yêu cầu anh P, Vu N cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 26/11/2024 anh Phan Nguyên V (P, V) trình bày:

Anh thống nhất toàn bộ nội dung mà chị T đã nêu và anh cũng thống nhất với yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị T. Các nội dung còn lại như về con chung, tài sản chung và nợ chung thì anh P, Vu N cũng thống nhất với ý kiến trình bày của chị T. Anh xin vắng mặt tại phiên họp.

* Đại diện Viện Kiểm Sát tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên họp, phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật về trình tự thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 29, Điều 367, Điều 369 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, điều 9, điều 10, điều 11, điều 12 Luật Hôn Nhân và Gia đình; đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị T và anh P, Vu Nguyen theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017, ngày đăng ký: 22/9/2017 tại Ủy Ban N Huyện C, Tỉnh Đồng Tháp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Tỉnh nhận định:

***[1] Về tố tụng:***

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn yêu cầu của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định yêu cầu của đương sự là việc "Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc yêu cầu là anh Phan Nguyên V (P, Vu N); Quốc tịch H, nên việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

***[2] Xét nội dung yêu cầu:***

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của chị T, lời thừa nhận của anh P, Vu N (Phan Nguyên V) thì chứng tỏ rằng, tại thời điểm đăng ký kết hôn với chị T, anh P, Vu N chưa hoàn tất thủ tục ly hôn với người vợ trước của anh là chị T1 Lê Phan ở nước ngoài (ở Mỹ) đã vi phạm điểm c khoản 1 điều 5 Luật Hôn Nhân và Gia đình. Do đó, việc chị T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 10 của Luật Hôn Nhân và gia đình nên được chấp nhận. Vì vậy, Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị T và anh P, Vu N (Phan Nguyên V) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017, ngày đăng ký: 22/9/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T, anh P, Vu N và nguyện vọng của con chung như sau:

Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Nguyen E, sinh ngày 03/7/2018, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được. Chị T không yêu cầu anh P, Vu N cấp dưỡng nuôi con.

Anh P, Vu N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh P, Vu N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

***[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ.***

***[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:***

Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 11 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận đơn yêu cầu. Do đó, chị T phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29; Điều 37, Điều 367, điều 369 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 8, 9, 10, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị T và anh P, Vu N (Phan Nguyên V) theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017, ngày đăng ký: 22/9/2017 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của chị T, anh P, Vu N và nguyện vọng của con chung như sau:

Chị T được tiếp tục nuôi con chung tên Phan Nguyen E, sinh ngày 03/7/2018, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được. Chị T không yêu cầu anh P, Vu N cấp dưỡng nuôi con.

Anh P, Vu N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị T, anh P, Vu N xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị T phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào tiền lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000086 ngày 11/4/2025 của Cục Thi hành án dâ sự tỉnh Đồng Tháp.

Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Võ Trinh**